

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 6.4.0./ QĐ-HVPNVN ngày... tháng 11 năm 2019
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

Tên chương trình: Truyền thông đa phương tiện

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Truyền thông đa phương tiện

Tên tiếng Anh: Multimedia communication

Mã số đào tạo: 7320104

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình được thiết kế đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường đạt được những mục tiêu sau:

- Có khả năng giải thích, phân tích được những kiến thức lý luận và thực tiễn đối với ngành truyền thông đa phương tiện, bao gồm 3 khối kiến thức cốt lõi: kiến thức về công nghệ, kiến thức về mỹ thuật, kiến thức về báo chí – truyền thông.

- Có khả năng sản xuất được các sản phẩm truyền thông như ấn phẩm báo chí, biên tập và thiết kế sách báo, chế bản điện tử, sáng tạo nội dung video, làm phong phú nội dung website; tạo ra các sản phẩm đồ họa đa phương tiện tương tác như: kỹ xảo đa phương tiện, phim hoạt hình, game, website, đồ họa mô phỏng; xây dựng được chiến lược truyền thông, quan hệ công chúng... để đáp ứng tốt những yêu cầu của nền công nghiệp sáng tạo, giải trí hiện đại và nhu cầu xã hội.

- Hình thành tư duy logic, có khả năng tổ chức, đánh giá, triển khai, giám sát, tham gia, thực hiện truyền thông, quảng cáo cho một sự kiện quy mô lớn tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế.

- Có tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình và hòa đồng; có khả năng làm việc nhóm; nhận thức được các vấn đề về bình đẳng giới trong lĩnh vực truyền thông.

- Có năng lực giao tiếp, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc, nhất là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho ngành truyền thông.

- Có đủ sức khỏe để làm việc, đạo đức chuẩn mực và quan hệ rộng mở.



1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Nắm vững các kiến thức cơ bản, cơ sở của ngành Truyền thông đa phương tiện, lựa chọn chuyên sâu 1 trong 2 chuyên ngành: Thiết kế đa phương tiện, Báo chí đa phương tiện.

- Hiểu biết về các vấn đề chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng phù hợp với đường lối chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan hoạt động của ngành Truyền thông đa phương tiện.

- Giải thích và phân tích được những kiến thức về giới trong lĩnh vực truyền thông và đề xuất những thay đổi trong thiết kế và quảng bá sản phẩm truyền thông có nhạy cảm giới.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào sáng tạo, thiết kế và sản xuất các ấn phẩm truyền thông đa phương tiện.

- Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định, đàm phán kinh doanh, thiết kế sản phẩm truyền thông.

- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp và tin học căn bản, tin học ứng dụng phục vụ ngành truyền thông đa phương tiện.

1.2.3. Về thái độ

- Cử nhân truyền thông đa phương tiện có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, nắm được các nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Yêu ngành, yêu nghề, có đạo đức và văn hóa truyền thông, phấn đấu thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có nhiều cơ hội lựa chọn và nhiều cơ hội để thử sức trong các lĩnh vực và vị trí việc làm khác nhau của ngành truyền thông đa phương tiện. Cụ thể trong các cơ quan báo chí truyền thông; các tổ chức chính trị xã hội; các công ty thiết kế, quảng cáo, in ấn; các doanh nghiệp; các cơ quan quản lý nhà nước về truyền thông; các tổ chức nghiên cứu và tư vấn về truyền thông; hoặc có thể tự khởi nghiệp, kinh doanh sản phẩm truyền thông.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Trình độ ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo tiếng Anh bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24/1/2014.

- Trình độ tin học: Thành thạo các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 11/3/2014 và kỹ năng ứng dụng CNTT cho ngành truyền thông đa phương tiện.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian để hoàn thành chương trình là 3,5 năm. Tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3,0 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa là 5,5 năm.

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Những người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Tuyển sinh theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phương án tuyển sinh của Học viện Phụ Nữ Việt Nam.

4. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo quy định của Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. THANG ĐIỂM

Thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo tín chỉ của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo theo thiết kế: **120 tín chỉ** chưa kể phần nội dung về Ngoại ngữ (10 tín chỉ); Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
6.1. Kiến thức giáo dục đại cương (25 tín chỉ – chưa kể Ngoại ngữ; Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)			
6.1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)			
1	DHCT13	Triết học Mác - Lênin	3
2	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	DHCT16	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6.1.2. Khoa học xã hội (9 tín chỉ)			
6	DHVN05	Tiếng Việt thực hành	2
7	DHTL05	Tâm lý học truyền thông	2
8	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
9	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3
6.1.3. Ngoại ngữ (10 tín chỉ)			
		Tiếng Anh cơ bản (Course 1)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 2)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 3)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4 plus)	
6.1.4. Tin học- Khoa học tự nhiên (3 tín chỉ chưa tính GD thể chất và GD quốc phòng)			
10	DHCN01	Tin học đại cương	3

11	DHGQ03 DHGQ04 DHGQ07	Giáo dục thể chất	3
12	DHQG03	Giáo dục quốc phòng	8
6.1.5. Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 học phần) (2 tín chỉ)			
13	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp	2
	DHTL19	Kỹ năng tư duy	2
	DHVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	DHTH01	KN xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2
6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (95 tín chỉ)			
6.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành (10 tín chỉ)			
14	DHMT01	Cơ sở tạo hình	3
15	DHCN03	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3
16	DHGX15	Giới và truyền thông đại chúng	2
17	DHPL08	Pháp luật đại cương về truyền thông	2
6.2.2. Kiến thức ngành chính (71 tín chỉ)			
6.2.2.1. Kiến thức chung của ngành (22 tín chỉ)			
18	DHMT15	Mỹ thuật cơ bản	3
19	DHMT05	Nhiếp ảnh	2
20	DHBC14	Kỹ thuật ghi hình	3
21	DHBC01	Lý thuyết và ngôn ngữ truyền thông	3
22	DHMT24	Nghệ thuật đồ họa chữ	3
23	DHCN02	Xử lý hình ảnh	3
24	DHCN05	Biên tập audio và video	3
25	DHBC28	Kiến tập 1	2
6.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (21 tín chỉ)			
26	DHBC03	Kịch bản truyền thông	3
27	DHBC02	Truyền thông marketing tích hợp	3
28	DHMT06	Thiết kế nhận diện thương hiệu và poster quảng cáo	3
29	DHMT16	Vẽ minh họa và thiết kế nhân vật	3
30	DHMT08	Thiết kế giao diện website	2
31	DHBC06	Sản xuất phim quảng cáo	3
32	DHBC04	Quản lý dự án đa phương tiện	2
33	DHBC29	Kiến tập 2	2
Tự chọn 2 (Chọn 2 trong 5 học phần) (4 tín chỉ)			
34 35	DHBC10	Tổ chức sự kiện	2
	DHBC11	Kinh doanh sản phẩm truyền thông số	2
	DHMT18	Đồ họa ứng dụng	2
	DHMT19	Mỹ thuật nâng cao	2
	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên	2
<i>Kiến thức chuyên sâu Tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 khối kiến thức chuyên sâu)</i>			

<i>Khối kiến thức chuyên sâu về Thiết kế đa phương tiện (18 tín chỉ)</i>			
36	DHMT17	Đồ họa chuyển động 2D	3
37	DHMT20	Thiết kế ấn phẩm truyền thông	3
38	DHCN04	Dựng hình 3D cơ bản	3
39	DHMT21	Thiết kế đồ họa Game	3
40	DHCN06	Kỹ xảo đa phương tiện	3
41	DHMT22	Đồ họa chuyển động 3D	3
<i>Khối kiến thức chuyên sâu về Báo chí đa phương tiện (18 tín chỉ)</i>			
36	DHBC16	Kỹ năng khai thác thông tin	3
37	DHBC25	Biên tập tác phẩm báo chí	3
38	DHBC18	Kỹ năng dẫn chương trình	3
39	DHBC19	Kỹ năng viết cho truyền thông	3
40	DHBC26	Tác phẩm báo chí đa phương tiện	3
41	DHBC21	Chương trình và chiến dịch truyền thông	3
<i>Tự chọn 3 (Chọn 2 trong 4 học phần) (6 tín chỉ)</i>			
42 43	DHBC22	Chuyên đề Thực tế chính trị xã hội	3
	DHBC27	Quan hệ công chúng	3
	DHMT23	Thiết kế hình hiệu	3
	DHMT10	Dựng hình 3D nâng cao	3
<i>6.2.4. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (14 tín chỉ)</i>			
44	DHTT14	Thực tập tốt nghiệp	8
45 46	DHTT15	Khóa luận/Đồ án/Sản phẩm tốt nghiệp	6
		<i>Học phần thay thế Khóa luận/Đồ án/Sản phẩm tốt nghiệp</i>	
	DHBC23	Các loại hình truyền thông hiện đại	3
	DHBC24	Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện	3

Lưu ý: Điều kiện đăng ký viết Khóa luận/làm Đồ án/Sản phẩm tốt nghiệp theo quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1-2)

HỌC KỲ 1

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Tin học đại cương	3	Không
2	Cơ sở tạo hình	3	Không
3	Nhiếp ảnh	2	Không
4	Xử lý hình ảnh	3	Không
5	Lý thuyết và ngôn ngữ truyền thông	3	Không
6	Giáo dục thể chất(GDTC) 1	1	Không
Tổng		14 TC (chưa tính GDTC)	

HỌC KỲ 2

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Triết học Mac- Lê Nin	3	Không
2	Nhập môn truyền thông ĐPT	3	Không
3	Kỹ thuật ghi hình	3	Nhiếp ảnh
4	Mỹ thuật cơ bản	3	Không
5	Biên tập audio và video	3	Không
6	Nghệ thuật đồ họa chữ	3	Cơ sở tạo hình
7	Tự chọn 1	2	Không
8	Kiến tập 1	2	Không
9	Giáo dục Quốc phòng (GDQP)	8	Không
Tổng		22 TC (Chưa tính GDQP)	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3 - 4)**HỌC KỲ 3**

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Kinh tế chính trị Mac- Lê Nin	2	Triết học Mac- Lê Nin
2	Phương pháp nghiên cứu KH	2	Không
3	Tiếng Việt thực hành	2	Không
4	Kịch bản truyền thông	3	Lý thuyết và ngôn ngữ TT
5	Thiết kế nhận diện thương hiệu & poster quảng cáo	3	Cơ sở tạo hình
6	Vẽ minh họa và thiết kế nhân vật	3	Cơ sở tạo hình, Mỹ thuật CB
7	Tự chọn 2	4	Không
8	Giáo dục thể chất (GDTC) 2	1	GDTC 1
Tổng		19 TC (chưa tính GDTC)	

HỌC KỲ 4

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mac- Lê Nin
2	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3	Không
3	Sản xuất phim quảng cáo	3	Biên tập audio và video, KT ghi hình
4	Pháp luật đại cương về truyền thông	2	Không

5	Truyền thông marketing tích hợp	3	Lý thuyết và ngôn ngữ TT
6	Thiết kế giao diện website	2	Cơ sở tạo hình
7	Tâm lý học truyền thông	2	Không
8	Giáo dục thể chất (GDTC) 3	1	GDTC 2
Tổng		17 TC (chưa tính GDTC)	

- Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)

HỌC KỲ 5

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Lịch sử Đảng CSVN	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Quản lý dự án đa phương tiện	2	Nhập môn TT ĐPT
3	Thiết kế ấn phẩm truyền thông	3	Cơ sở tạo hình
4	Dựng hình 3D cơ bản	3	Cơ sở tạo hình
5	Kỹ xảo đa phương tiện	3	Xử lý hình ảnh
6	Tự chọn 3	6	Không
Tổng		19 TC	

HỌC KỲ 6

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Giới và truyền thông đại chúng	2	Không
3	Đồ họa chuyển động 2D	3	Vẽ minh họa và TK nhân vật
4	Thiết kế đồ họa Game	3	Xử lý hình ảnh
5	Đồ họa chuyển động 3D	3	Dựng hình 3D cơ bản
6	Kiến tập 2	2	Không
Tổng		15 TC	

- Chuyên ngành Báo chí đa phương tiện

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)

HỌC KỲ 5

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Lịch sử Đảng CSVN	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học

2	Quản lý dự án đa phương tiện	2	Nhập môn TT ĐPT
3	Kỹ năng khai thác thông tin	3	Không
4	Kỹ năng viết cho truyền thông	3	Lý thuyết và ngôn ngữ TT
5	Kỹ năng dẫn chương trình	3	Kịch bản truyền thông
6	Tự chọn 3	6	Không
Tổng		19 TC	

HỌC KỲ 6

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Giới và truyền thông đại chúng	2	Không
3	Biên tập tác phẩm báo chí	3	Kỹ năng viết cho TT
4	Tác phẩm báo chí đa phương tiện	3	Kỹ năng khai thác thông tin
5	Chương trình và chiến dịch truyền thông	3	Lý thuyết và ngôn ngữ TT
6	Kiến tập 2	2	Không
Tổng		15 TC	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7) cả 2 chuyên ngành

HỌC KỲ 7

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Thực tập tốt nghiệp	8	Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
2	Khóa luận/Đồ án/Sản phẩm tốt nghiệp/Học phần thay thế	6	Theo quy chế đào tạo của Học viện
TỔNG		14 TC	

1. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên.

8.1. Về việc tổ chức đào tạo tiếng Anh cơ bản

Sinh viên nghiên cứu kỹ quy chế đào tạo và hướng dẫn tổ chức dạy tiếng Anh cơ bản cho sinh viên của Học viện Phụ nữ Việt Nam, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp. Các yêu cầu cơ bản như sau:

a) **Tuần đầu tiên của học kỳ 1 năm thứ nhất**, toàn bộ sinh viên năm thứ nhất (ngoại trừ những sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hợp lệ) **PHẢI** tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh để nhà trường xác định được trình độ tiếng Anh

đầu vào và làm căn cứ xếp lớp học. Các sinh viên đạt yêu cầu về điểm thi hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thì được miễn học tối đa 2 khóa học cơ bản và được xếp vào các lớp có trình độ tương đương.

b) Trên cơ sở kết quả đánh giá đầu vào, sinh viên đăng ký học tiếng Anh cơ bản và nộp học phí tại Trung tâm CETCAW thuộc Học viện theo lịch giảng dạy của từng khóa học (course), đảm bảo không trùng với lịch học tập của các học phần trong chương trình đào tạo.

- Kết thúc mỗi năm học, trung tâm CETCAW sẽ gửi kết quả đánh giá hoàn thành các khóa học, bao gồm cả việc xác minh kết quả học tập tiếng Anh từ bên ngoài của sinh viên, tổng hợp theo mã số sinh viên về phòng Đào tạo để cập nhật vào hệ thống.

- Những sinh viên không tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh sẽ đăng ký học từ đầu (course 1) tại trung tâm CET-CAW.

- Những sinh viên không tham gia học tiếng Anh cơ bản tại trung tâm CETCAW thuộc Học viện PHẢI gửi minh chứng trình độ tiếng Anh theo số tín chỉ tích lũy về trung tâm CETCAW để kiểm tra, xác nhận chậm nhất vào tuần học thứ 15 kỳ 2 của mỗi năm học. Nếu không có minh chứng, sinh viên sẽ phải quay lại đăng ký học và thi tiếng Anh do CETCAW tổ chức.

- Quá trình học tập và Kết quả học tập tiếng Anh là căn cứ để xác định số lượng tín chỉ tối đa được đăng ký trong mỗi học kỳ của năm học tiếp theo, là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và tốt nghiệp của sinh viên.

- Các sinh viên học tiếng Anh cơ bản tại Trung tâm CETCAW sẽ được cam kết cung cấp dịch vụ đào tạo có chất lượng, với chi phí học tập thấp do được hưởng chính sách hỗ trợ học phí từ Học viện.

c) Sau khi hoàn thành các khóa học tiếng Anh cơ bản, sinh viên đăng ký thi chứng chỉ đầu ra tiếng Anh tại trung tâm CETCAW chậm nhất vào kỳ 1 của năm thứ tư. Khuyến khích các sinh viên đăng ký thi chứng chỉ quốc tế do trung tâm CETCAW phối hợp với đối tác tổ chức để đảm bảo các chứng chỉ có giá trị trong tuyển dụng, nộp hồ sơ đăng ký các bậc học cao hơn hoặc cho các mục đích cá nhân khác.

8.2. Về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần

Chương trình đã phân bổ cụ thể về thời lượng lý thuyết và thực hành/thảo luận cho các học phần theo đúng quy định. Căn cứ vào thực tiễn dạy học và chương trình phổ thông mới, các bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo. Các bộ môn chú ý tính kế thừa và thống nhất của các học phần trong và ngoài bộ môn.

8.3. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, gắn liền với thực tiễn. Cụ thể:

-Sử dụng các hình thức thảo luận, bài tập nghiên cứu, hoạt động nhóm trong học tập, thực hành đồ án tương tự như sản phẩm thực tế.


-Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác.

-Các học phần chuyên ngành phải có sự lồng ghép ít nhất 1 buổi trao đổi kinh nghiệm thực tế về một vấn đề thuộc học phần giữa nhà truyền thông và sinh viên.

8.3. Về đánh giá kết quả học tập

Quy định cụ thể trong quy chế đào tạo - Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN 

HỌC VIỆN
PHỤ NỮ
VIỆT NAM


TS. Trần Quang Tiên

LIÊN HIỆP
H. H. H. H.